

Số: 55 /BC-TH&THCSVP

Văn Phong, ngày 30 tháng 5 năm 2025

BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM HỌC 2024-2025

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT- BGDDT ngày 03 tháng 6 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên trường: Trường TH&THCS Văn Phong

2. Địa chỉ: Thôn Phong Niên, xã Văn Phong, huyện Cát Hải, thành phố
Hải Phòng

- Gmail: th.thcsvanphong@gmail.com

- SĐT: 0313.886.267

- Cổng thông tin điện tử: <http://th-thcsvanphong.haiphong.edu.vn>

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn và mục tiêu của nhà trường

4.1. Sứ mạng

Phát triển những giá trị cốt lõi 5 phẩm chất và 10 năng lực, giúp học sinh phát triển toàn diện, có khả năng học tập suốt đời, có kỹ năng tốt, sẵn sàng hội nhập, đáp ứng với một thế giới luôn thay đổi.

Khẳng định được vị trí và thương hiệu của nhà trường, là điểm đến tin cậy của phụ huynh, là ngôi trường hạnh phúc của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

4.2. Tầm nhìn

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện. Là một trong những trường TH&THCS có chất lượng giảng dạy trong huyện, giáo dục thể hệ học sinh có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực làm chủ cuộc sống, phát triển đầy đủ về thể lực và trí lực để sống làm việc và hội nhập toàn cầu và là những công dân có ích cho gia đình và xã hội.

4.3. Mục tiêu

4.3.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong cấp THCS học sinh có đủ phẩm chất và năng lực quy định tại chương trình giáo dục bậc học, học sinh biết điều chỉnh bản thân theo các chuẩn mực chung của xã hội, biết vận dụng phương pháp học tập tích cực để hoàn chỉnh tri thức và kỹ năng nền tảng, có hiểu biết ban đầu về các ngành nghề

và có ý thức hướng nghiệp để tiếp tục học lên trung học phổ thông, học nghề hoặc tham gia vào cuộc sống lao động.

4.3.2. Các mục tiêu cụ thể

Về năng lực: Phân đầu 100% từ mức Đạt trở lên đối với các năng lực chung (tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo); Các năng lực đặc thù (Ngôn ngữ, toán học, khoa học, công nghệ, tin học, thẩm mỹ, thể chất).

Về phẩm chất: Phân đầu 100 % từ mức đạt trở lên với các phẩm chất: Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

Trang bị cho học sinh những kiến thức căn bản về tự nhiên và xã hội. Chú trọng năng lực vận dụng kiến thức để giải quyết những vấn đề thực tiễn, đáp ứng nhu cầu cuộc sống hiện tại và tương lai một cách linh hoạt.

Tổ chức các hoạt động thể thao, văn hóa nghệ thuật và các hoạt động khác để phát huy tối đa năng khiếu và năng lực của từng cá nhân học sinh.

Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống, các hoạt động giáo dục theo chủ đề để hình thành và phát triển nhân cách cho học sinh.

Phát triển toàn diện cho học sinh về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, kỹ năng cơ bản; hình thành nhân cách con người Việt Nam và trách nhiệm công dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của nhà trường

Được thành lập vào ngày 29/12/1962, tại thôn Phong Niên, xã Văn Phong, trường có tên gọi là trường cấp II Văn Phong, là nơi học của học sinh ba xã Văn Phong, Hoàng Châu, Nghĩa Lộ. Đến năm 1976 học sinh cấp II của hai xã Hoàng Châu, Nghĩa Lộ về học tại địa phương, Trường cấp I+ II Văn Phong sáp nhập có tên gọi là trường cấp I+ II Văn Phong. Từ năm 1980 đến nay đổi thành trường Phổ thông cơ sở Văn Phong.

Khi mới thành lập nhà trường có 6 phòng học. Nhà trường luôn được sự quan tâm của cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành đoàn thể, đặc biệt là nhân dân địa phương đã hết lòng ủng hộ, tạo ra sự đồng thuận nhất trí cao trong việc chăm lo xây dựng và phát triển giáo dục của nhà trường.

Ngày 28/7/2010, Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải đã ban hành Quyết định số 846/QĐ-UBND đổi tên trường Phổ thông cơ sở Văn Phong thành trường Tiểu học và THCS Văn Phong.

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, cùng với sự cố gắng phấn đấu của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên, đến nay nhà trường đáp ứng những yêu cầu cơ bản về cơ sở vật chất để phục vụ giảng dạy và học tập trong thời kỳ mới. Năm 2015 trường đã được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên tương đối đồng đều về

chuyên môn, nghiệp vụ. Hằng năm, nhà trường đều có giáo viên tham gia Hội thi giáo viên dạy giỏi cấp huyện đã đạt được những thành tích khá tốt; tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THCS đạt 100%; tỷ lệ đỗ vào lớp 10 THPT đạt 100%; chất lượng giáo dục đại trà ổn định và giữ vững.

6. Thông tin người đại diện

- Người đại diện: Bà Nguyễn Thị Quy, Chức vụ: Hiệu trưởng.
- Địa chỉ: Tổ dân phố Tiến Lộc, thị trấn Cát Hải, huyện Cát Hải, Hải Phòng
- Thông tin liên hệ: Số điện thoại: 0855.781.406
- Địa chỉ thư điện tử: quythcs5975@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập: Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 28/7/2010 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc đổi tên trường Phổ thông cơ sở Văn Phong thành trường Tiểu học và THCS Văn Phong.

b) Quyết định công nhận Hội đồng trường

Quyết định số 3952/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc kiện toàn Hội đồng trường Mầm non, Tiểu học, Tiểu học và Trung học cơ sở, Trung học cơ sở trên địa bàn huyện Cát Hải, nhiệm kỳ 2020-2025.

Danh sách thành viên Hội đồng trường gồm 09 thành viên, cụ thể:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Nguyễn Thị Quy	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng trường
2.	Lê Thị Phương	Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn	Thành viên Hội đồng trường
3.	Đoàn Thị Huế	Tổ trưởng tổ chuyên môn THCS	Thư ký Hội đồng trường
4.	Đỗ Văn Thụy	Phó Chủ tịch UBND xã Văn Phong	Thành viên Hội đồng trường
5.	Chu Thị Duyên	Bí thư chi đoàn	Thành viên Hội đồng trường
6.	Bùi Thị Huệ	Tổ trưởng tổ Văn phòng	Thành viên Hội đồng trường
7.	Nguyễn Thị Phương	Tổ trưởng tổ chuyên môn	Thành viên Hội đồng trường

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
		Tiểu học	đồng trường
8.	Đỗ Thị Vân	Trưởng ban Ban đại diện CMHS	Thành viên Hội đồng trường
9.	Phạm Thị Phương Anh	Học sinh	Thành viên Hội đồng trường

c) Quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý nhà trường

- Quyết định số 3026/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc chuyển công tác và bổ nhiệm chức vụ đối với viên chức Nguyễn Thị Quy.

- Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 28/02/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng trường TH&THCS Văn Phong đối với viên chức Lê Thị Phương.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và sơ đồ tổ chức bộ máy:

- Nhà trường đã xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động ban hành kèm theo Quyết định số 28/QĐ-TH&THCSVP ngày 04/9/2024.

- Trường TH&THCS Văn Phong là đơn vị sự nghiệp có chức năng dạy học và giáo dục học sinh; có quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

- Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

- Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà trường:

+ Hiệu trưởng: 01 người, phụ trách chung

+ Phó hiệu trưởng: 01 người, phụ trách cấp Tiểu học

+ Giúp việc Hiệu trưởng gồm các 02 tổ chuyên môn Tiểu học và THCS và 01 tổ văn phòng.

+ Nhà trường có chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Chi bộ lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, Điều lệ Đảng và các quy định của Đảng cộng sản Việt Nam. Có tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội khác trong nhà trường hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu và nguyên lý giáo dục.

e) Thông tin về người đứng đầu nhà trường:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Quy

- Chức vụ: Hiệu trưởng
- SĐT: 0855.781.406
- Địa chỉ thư điện tử: quythcs5975@mail.com
- Địa chỉ nhà trường: Trường TH&THCS Văn Phong

Thôn Phong Niên, xã Văn Phong, huyện Cát Hải, thành phố Hải Phòng

- Nhiệm vụ, trách nhiệm của Hiệu trưởng nhà trường: thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ban hành Điều lệ trường THCS, trường THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Hiệu trưởng là người trực tiếp quản lý, điều hành mọi hoạt động của nhà trường, chịu trách nhiệm trước UBND xã, huyện và trước pháp luật về mọi hoạt động của nhà trường.

8. Các văn bản khác của nhà trường

- Hội đồng trường xây dựng Kế hoạch số 132/KH-TH&THCSVP ngày 31/12/2024 về chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025-2030 và tầm nhìn đến năm 2035.

- Thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở ban hành theo Quyết định tại Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động.

- Hội đồng trường ban hành các nghị quyết chỉ đạo, đánh giá, rà soát, bổ sung các hoạt động của nhà trường đảm bảo hiệu quả và kịp thời.

- Nhà trường ban hành các quy định về quản lý hành chính, nhân sự, sử dụng tài chính như: quy chế làm việc của đơn vị, quy chế khen thưởng, quy chế chi tiêu nội bộ...

- Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng và phát triển đội ngũ theo từng năm học; Kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ quản lý, giáo viên. Động viên giáo viên chưa đạt chuẩn tham gia các lớp học nâng chuẩn.

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng nhân sự, thực hiện công khai và tuyển dụng đúng trình tự theo quy định. Niêm yết và phổ biến kịp thời các văn bản tuyển dụng của cấp trên.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ, NHÂN VIÊN

1. Số lượng CBQL, GV, NV chia theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo

TT	Tên vị trí việc làm	Số lượng VTVL	Chức danh nghề nghiệp viên chức tối thiểu	Mã chức danh nghề nghiệp viên chức	Năm học 2023-2024 (Số lượng người)	Năm học 2024-2025 (Số lượng người)
----	---------------------	---------------	---	------------------------------------	------------------------------------	------------------------------------

I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý	2			2	2
1	Hiệu trưởng	1	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.31	1	1
2	Phó Hiệu trưởng	1	GV tiểu học Hạng II	V.07.03.28	1	1
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành	17			17	17
1	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	6	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.31	6	6
2	Giáo viên trung học cơ sở hạng II	2	Giáo viên THCS Hạng II	V.07.04.11	2	2
3	Giáo viên trung học cơ sở hạng III	2	GV THCS Hạng III	V.07.04.11	3	3
4	Giáo viên tiểu học hạng II	2	GV tiểu học Hạng II	V.07.03.28	2	2
5	Giáo viên tiểu học hạng II	2	GV tiểu học Hạng II	V.07.03.07	2	2
6	Giáo viên tiểu học hạng III	2	GV tiểu học Hạng III	V.07.03.29	2	2
III	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung	3			3	3
1	Kế toán viên	1			1	1
2	Thư viện viên	1			1	1
3	Thiết bị trường học	1			1	1
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ	0			0	0
Tổng số					22	22

- Về trình độ đào tạo:

Trình độ	2023-2024	2024-2025	Ghi chú
Đại học	19	19	
Cao đẳng	03	03	
Trung cấp	0	0	
Tổng số	22	22	

2. Số lượng, tỷ lệ CBQL, GV đạt chuẩn nghề nghiệp

T T	Cấp học/Đơn vị	Tổ ng số	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt		G hi ch ú
			Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	
1	Hiệu trưởng	1	0	0	0	0	0	0	1	100	
2	PHT, GV	18	0	0	0	0	07	38,89	11	61,11	
Tổng số		19	0	0	0	0	07	36,84	12	63,16	

3. Số lượng, tỷ lệ cán bộ, giáo viên hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

100% CBGV hoàn thành chương trình bồi dưỡng thường xuyên trong năm học.

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ TÀI LIỆU HỌC TẬP

1. Quy mô, diện tích nhà trường

Trường TH&THCS Văn Phong có diện tích 6.986m², bình quân đạt 23,3m²/HS. Trường được UBND huyện cấp quyền sử dụng đất, quang cảnh môi trường xanh, sạch, đẹp, thoáng mát; đảm bảo an toàn, thân thiện. Đảm bảo diện tích tối thiểu 10m² cho một học sinh theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành quy định tiêu chuẩn về cơ sở vật chất trường mầm non, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

2. Số lượng, hạng mục các phòng ban

2.1. Khối phòng hành chính, quản trị

- Phòng Hiệu trưởng: 01; Phòng Phó Hiệu trưởng: 01. Đảm bảo có phòng làm việc với đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.

- Phòng bảo vệ: bảo đảm có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi.

- Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị đảm bảo theo yêu cầu quy định.

- Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và cơ bản đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.

2.2. Khối phòng học tập

- Phòng học: 10 phòng/10 lớp học, được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; ti vi có kết nối Internet.

- Phòng học bộ môn: có 02 phòng (01 phòng Khoa học tự nhiên và 01 phòng Công nghệ).

- Phòng học bộ môn Tin học: 01 phòng.

2.3. Khối phòng hỗ trợ học tập

- Thư viện: Đạt Thư viện Tiên tiến năm 2022.
- Phòng thiết bị giáo dục: 01 phòng; có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường.
- Phòng truyền thống: 01.
- Phòng đội kết hợp với phòng đa năng được trang bị đầy đủ thiết bị.

2.4. Khối phụ trợ

- Phòng họp toàn thể cán bộ, giáo viên và nhân viên nhà trường: có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.
- Phòng các tổ chuyên môn: 02 phòng/2 tổ chuyên môn; trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.
- Phòng Y tế trường học: có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh.
- Nhà kho: bảo đảm có 01 phòng; nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường.
- Khu để xe học sinh: có mái che.
- Khu vệ sinh học sinh: 01 phòng vệ sinh nam; 01 phòng vệ sinh nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; số lượng thiết bị đảm bảo theo yêu cầu tối thiểu. Khu vệ sinh đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường.
- Cổng, hàng rào: khuôn viên của trường ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ bảo đảm vững chắc, an toàn; cổng trường kiên cố, vững chắc có gắn biển tên trường.

2.5. Khu sân chơi, thể dục thể thao

- Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân bằng phẳng, có cây xanh bóng mát, được đổ bê tông sạch sẽ.
- Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh.

* Khối phục vụ sinh hoạt: Nhà trường không có HS ăn bán trú nên không có bếp ăn, phòng sinh hoạt.

2.6. Hạ tầng kỹ thuật

- Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường.
- Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của nhà trường.

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành.
- Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường.
- Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường. Có khu thu gom riêng các hóa chất độc hại, các chất thải thí nghiệm.

*** So sánh với năm học trước:**

Về cơ sở vật chất, so sánh với năm học 2023-2024, trường đã được sửa chữa dãy nhà hiệu bộ, nhà vệ sinh học sinh; có nước máy sử dụng.

Các hạng mục về cơ sở vật chất đáp ứng các yêu cầu cơ bản của công tác dạy và học theo quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020.

3. Số thiết bị dạy học hiện có

Năm học 2024-2025, nhà trường đã được cấp phát đủ thiết bị dạy học đối với các khối lớp thực hiện Chương trình GDPT 2018. Về cơ bản, các thiết bị dạy học đã đáp ứng yêu cầu tối thiểu dạy và học.

4. Sách giáo khoa và tài liệu học tập

- Danh mục Sách giáo khoa sử dụng đã được UBND thành phố phê duyệt. Danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo đã được nhà trường lựa chọn sử dụng theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Nhà trường đã ban hành văn bản Thông báo số 09/TB-TH&THCSVP ngày 25/10/2024 của trường TH&THCS Văn Phong Thông báo danh mục sách giáo khoa sử dụng trong trường từ năm học 2024-2025, cụ thể;

4.1. Sách giáo khoa lớp 1

TT	Tên sách	Tổng chủ biên	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt	Nguyễn Minh Thuyết	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh diều
2	Toán	Đỗ Đức Thái	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh diều
3	Đạo đức	Lưu Thu Thủy	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh diều
4	TNXH	Mai Sỹ Tuấn	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh diều
5	Mĩ Thuật	Đoàn Thị Mỹ Hương	NXB GDVN	Cùng học để phát triển năng lực
6	HĐTN	Nguyễn Dục Quang	NXB ĐHSP	Cánh diều

TT	Tên sách	Tổng chủ biên	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
			TPHCM	
7	GDTC	Đặng Ngọc Quang	NXB ĐHSP	Cánh điều
8	Âm nhạc	Đỗ Thị Minh Chính	NXBGD	Kết nối tri thức với cuộc sống

Danh mục gồm 08 sách giáo khoa lớp 1.

4.2. Sách giáo khoa lớp 2

TT	Tên sách	Tổng chủ biên	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt	Nguyễn Minh Thuyết	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
2	Toán	Đỗ Đức Thái	NXB ĐHSP	Cánh điều
3	Đạo đức	Trần Văn Thắng	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
4	TNXH	Mai Sỹ Tuấn	NXB ĐHSP	Cánh điều
5	Mĩ Thuật	Nguyễn Thị Đông	NXB ĐHSP	Cánh điều
6	HĐTN	Nguyễn Dục Quang	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
7	GDTC	Lưu Quang Hiệp	NXB ĐHSP	Cánh điều
8	Âm nhạc	Nguyễn Thị Đông	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều

Danh mục gồm 08 sách giáo khoa lớp 2.

4.3. Sách giáo khoa lớp 3

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt	Nguyễn Minh Thuyết	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
2	Toán	Đỗ Đức Thái	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
3	Đạo đức	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
4	TNXH	Mai Sỹ Tuấn	NXB ĐHSP	Cánh điều
5	Mĩ Thuật	Nguyễn Thị Đông	NXB ĐHSP	Cánh điều
6	HĐTN	Nguyễn Dục Quang	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
7	Công nghệ	Nguyễn Trọng Khanh	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
8	GDTC	Lưu Quang Hiệp	NXB ĐHSP	Cánh điều
9	Âm nhạc	Lê Anh Tuấn	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
10	Tiếng Anh (Global Success)	Hoàng Văn Vân	NXBGD Việt Nam	
11	Tin học	Nguyễn Chí Công	NXB GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

Danh mục gồm 11 sách giáo khoa lớp 3.

4.4. Sách giáo khoa lớp 4

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt	Nguyễn Minh Thuyết	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
2	Toán	Đỗ Đức Thái	NXB ĐHSP	Cánh điều
3	Đạo đức	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
4	LS - ĐL	Đỗ Thanh Bình	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
5	Khoa học	Mai Sĩ Tuấn	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
6	HĐTN	Nguyễn Dục Quang	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
7	Mỹ thuật	Nguyễn Thị Đông	NXB ĐHSP	Cánh điều
8	Công nghệ	Nguyễn Tất Thắng	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
9	Âm nhạc	Lê Anh Tuấn	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
10	GDTC	Đinh Quang Ngọc	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
11	Tin học	Nguyễn Chí Công	NXB GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân	NXB GD Việt Nam	

Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 4.

4.5. Sách giáo khoa lớp 5

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt	Nguyễn Minh Thuyết	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
2	Toán	Đỗ Đức Thái	NXB ĐHSP	Cánh điều
3	Đạo đức	Nguyễn Thị Mỹ Lộc	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
4	LS - ĐL	Đỗ Thanh Bình	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
5	Khoa học	Bùi Phương Nga	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
6	HĐTN	Nguyễn Dục Quang	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
7	Mỹ thuật	Nguyễn Thị Đông	NXB ĐHSP	Cánh điều
8	Công nghệ	Nguyễn Trọng Khanh	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
9	Âm nhạc	Lê Anh Tuấn	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
10	GDTC	Đinh Quang Ngọc	NXB ĐHSP TPHCM	Cánh điều
11	Tin học	Nguyễn Chí Công	NXB GD Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
12	Tiếng Anh	Hoàng Văn Vân	NXB GD Việt Nam	

Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 5.

4.6. Sách giáo khoa lớp 6

TT	Tên sách	Chủ biên	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1.	Toán Tập 1	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Đại học Sư phạm	Cánh điều
	Toán Tập 2	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm	Đại học Sư phạm	Cánh điều

TT	Tên sách	Chủ biên	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Đức Quang		
2.	Khoa học tự nhiên	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên), Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên), Lê Minh Cầm, Ngô Ngọc Hoa, Lê Thị Phương Hoa, Phan Thị Thanh Hội, Đỗ Thanh Hữu, Cao Tiến Khoa, Lê Thị Thanh, Nguyễn Đức Trường, Trương Anh Tuấn	Đại học Sư phạm	Cánh diều
3.	Tin học	Nguyễn Chí Công, Hà Đặng Cao Tùng, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4.	Công nghệ	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Trương Thị Hồng Huệ, Lê Xuân Quang, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Cẩm Tú	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5.	Giáo dục thể chất	Hồ Đắc Sơn, Nguyễn Duy Quyết (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Việt Hoàn, Nguyễn Mạnh Toàn (đồng Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Hữu Bính, Nguyễn Xuân Đoàn, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Đỗ Mạnh Hưng, Lê Chí Nhân, Phạm Hoài Quyên, Phạm Mai Vương	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6.	Ngữ văn tập 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Nguyễn Linh Chi, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Ngữ văn tập 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa (Chủ biên), Phan Huy Dũng, Phạm Đăng Xuân Hương, Đặng Lưu, Nguyễn Thanh Tùng	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Chủ biên	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
7.	Lịch sử và Địa lí	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên), Nghiêm Đình Vỹ, Đào Ngọc Hùng (đồng Tổng Chủ biên), Đinh Ngọc Bảo, Đào Ngọc Hùng (đồng Chủ biên), Vũ Thị Hằng, Phan Ngọc Huyền, Phạm Thị Thanh Huyền, Lê Huỳnh, Trần Thị Hồng Mai, Hoàng Anh Tuấn, Phí Công Việt	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8.	Giáo dục công dân	Trần Văn Thắng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thu Hoài, Nguyễn Thúy Quỳnh, Mai Thu Trang	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
9.	Âm nhạc	Đỗ Thanh Hiền (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Nguyễn Quang Nhã	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
10.	Mĩ thuật	Phạm Văn Tuyền (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Ngô Thị Hương, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị Hồng Thắm	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh điều
11.	Tiếng Anh Tập 1 (Global Success)	Hoàng văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang	Giáo dục Việt Nam	
	Tiếng Anh 6 Tập 2 (Global Success)	Hoàng văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Vũ Mai Trang, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn	Giáo dục Việt Nam	
12.	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Hạnh, Nguyễn Thị Việt Nga, Trần Thị Thu (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thanh Bình, Lê Văn cầu, Dương Thị Thu Hà, Tạ Văn Hai, Nguyễn Thu Hương, Lê Thị Luận, Nguyễn Thị Thanh Mai, Nguyễn Hồng Thuận, Lê Thị Thanh	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức

Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 6.

4.7. Sách giáo khoa lớp 7

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1.	Ngữ văn, tập 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Trà My, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Ngữ văn, tập 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Ngân Hoa (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Nguyễn Linh Chi, Đặng Lưu.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2.	Toán, tập 1	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Đại học Sư phạm	Cánh Diều
	Toán, tập 2	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang.	Đại học Sư phạm	Cánh Diều
3.	Tiếng Anh Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Chi (Chủ biên), Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Lương Quỳnh Trang, Nguyễn Quốc Tuấn.	Giáo dục Việt Nam	
4.	Khoa học tự nhiên	Mai Sỹ Tuấn (Tổng Chủ biên), Đinh Quang Báo, Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên), Nguyễn Văn Biên, Đào Tuấn Đạt, Phan Thị Thanh Hội, Ngô Văn Hưng, Đỗ Thanh Hữu, Đỗ Thị Quỳnh Mai, Phạm Xuân Quế, Trương Anh Tuấn, Ngô Văn Vự.	Đại học Sư phạm	Cánh Diều
5.	Lịch sử và Địa lí	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Thị Côi, Vũ	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Văn Quân (đồng Chủ biên phần Lịch sử), Phạm Đức Anh, Phạm Thị Thanh Huyền, Đặng Hồng Sơn; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Đình Giang, Phạm Thị Thu Phương (đồng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Thị Huệ, Phí Công Việt.		
6.	Giáo dục công dân	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thúy Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang.	Đại học Huế	Cánh Diều
7.	Âm nhạc	Đỗ Thanh Hiền (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Lại Thị Phương Thảo, Vũ Ngọc Tuyên.	Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh	Cánh Diều
8.	Mĩ Thuật	Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Ngô Thị Hương, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị Mỹ, Nguyễn Thị Hồng Thắm.	Đại học Sư phạm	Cánh Diều
9.	Tin học	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đặng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Bùi Việt Hà, Đinh Thị Hạnh Mai, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10.	Công nghệ	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đồng Huy Giới (Chủ biên), Cao Bá Cường, Bùi Hữu Đoàn, Bùi Thị Thu Hương, Kim Văn Vạn.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11.	Giáo dục thể chất	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Ngô Việt Hoàn, Trần Mạnh Hùng.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
12.	Hoạt động Trải nghiệm,	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn	Giáo dục Việt	Kết nối tri thức với

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
	hướng nghiệp	Thanh Bình, Dương Thị Thu Hà, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Nam	cuộc sống

Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 7.

4.8. Sách giáo khoa lớp 8

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1.	Ngữ văn (tập 1)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
	Ngữ văn (tập 2)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt, Nguyễn Thị Minh Thương	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2.	Tiếng Anh 8 Global Success	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Phan Chí Nghĩa, Nguyễn Thụy Phương Lan, Trần Thị Hiếu Thủy	Giáo dục Việt Nam	
3.	Lịch sử và Địa lí	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vy (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Đào Tuấn Thành, Hoàng Thanh Tú; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Bùi Thị Thanh Dung, Phạm Thị Thu Phương, Phí Công Việt	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4.	Giáo dục công dân	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thúy Nga, Hoàng Thị Thịnh, Mai Thu Trang	Đại học Huế	Cánh điều
5.	Âm nhạc	Đỗ Thanh Hiền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Vũ	Đại học Huế	Cánh điều

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Ngọc Tuyên		
6.	Mĩ thuật	Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Ngô Thị Hương, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị Mỹ, Nguyễn Thị Hồng Thắm.	Đại học Sư phạm	Cánh điều
7.	Toán	Đỗ Đức Thái (chủ biên kiêm tổng chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Đại Học Sư Phạm	Cánh điều
8.	Khoa học tự nhiên	Mai Sỹ Tuấn (Tổng chủ biên), Đinh Quang Bảo, Nguyễn Văn Khánh, Đặng Thị Oanh (đồng Chủ biên),	Đại học Sư phạm	Cánh điều
9.	Tin học	Nguyễn Chí Công (Tổng chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phạm Anh, Nguyễn Hải Châu, Nguyễn Thị Hoài Nam, Hoàng Thị Mai.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10.	Giáo dục thể chất	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Ngô Việt Hoàn, Trần Mạnh Hưng.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11.	Công nghệ	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đặng Thị Thu Hà, Nguyễn Hồng Sơn, Phạm Văn Sơn, Nguyễn Thanh Trinh, Vũ Thị Ngọc Thúy	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
12.	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 8.

4.9. Sách giáo khoa lớp 9

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1.	Ngữ văn (tập 1)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu	Nhà xuất bản Giáo	Kết nối tri thức với

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		(đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Phương	dục Việt Nam	cuộc sống
	Ngữ văn (tập 2)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa, Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Phan Huy Dũng, Nguyễn Thị Mai Liên, Lê Thị Minh Nguyệt	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2.	Tiếng Anh (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
3.	Lịch sử và Địa lí	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vy (Tổng Chủ biên cấp THCS phần Lịch sử), Nguyễn Ngọc Cơ, Trịnh Đình Tùng (Đồng chủ biên phần Lịch sử), Hoàng Hải Hà, Nguyễn Thị Huyền Sâm, Hoàng Thanh Tú, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Trọng Đức, Lê Văn Hà, Nguyễn Tú Linh, Phạm Thị Trâm	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4.	Giáo dục công dân	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên), Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thúy Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang, Trần văn Thắng	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)	Cánh điều
5.	Âm nhạc	Đỗ Thanh Hiên (Tổng Chủ biên	Công ty	Cánh điều

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Vũ Ngọc Tuyên	Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)	
6.	Mĩ thuật	Phạm Văn Tuyền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Trần Từ Duy, Nguyễn Duy Khuê, Nguyễn Thị Mỹ, Nguyễn Thị Hồng Thắm.	Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Sư phạm)	Cánh điều
7.	Toán, Tập 1	Đỗ Đức Thái (chủ biên kiêm tổng chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Nhà xuất bản Đại học Sư Phạm	Cánh điều
	Toán, Tập 2	Đỗ Đức Thái (chủ biên kiêm tổng chủ biên), Lê Tuấn Anh, Đỗ Tiến Đạt, Nguyễn Sơn Hà, Nguyễn Thị Phương Loan, Phạm Sỹ Nam, Phạm Đức Quang	Nhà xuất bản Đại học Sư Phạm	Cánh điều
8.	Khoa học tự nhiên	Đinh Quang Báo (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Đặng Thị Oanh, Dương Xuân Quý (đồng Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Tưởng Duy Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Trần Văn	Nhà xuất bản Đại học Sư Phạm	Cánh điều

TT	Tên sách	Tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Kiên, Đường Khánh Linh, Nguyễn Thị Hùng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Thị Thuần		
9.	Tin học	Nguyễn Chí Công (Tổng chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phạm Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10.	Giáo dục thể chất	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn Chấn Hải, Trần Mạnh Hưng, Nguyễn Thành Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11.	Công nghệ	Lê Huy Hoàng (Tổng chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh, Phạm Khánh Tùng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
12.	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	Lưu Thu Thủy (Tổng chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

Danh mục gồm 12 sách giáo khoa lớp 9.

- Nhà trường trang bị sách tham khảo tối thiểu đảm bảo cơ bản các nhu cầu học tập, giảng dạy của giáo viên và học sinh.

- Ngoài ra còn có hệ thống sách điện tử của các bộ sách giáo khoa đáp ứng nhu cầu học tập và tìm hiểu trực tuyến của giáo viên và học sinh:

<https://www.vniteach.com/sach-dien-tu-ket-noi-tri-thuc-voi-cuoc-song/>

<https://www.vniteach.com/sach-dien-tu-ket-noi-tri-thuc-voi-cuoc-song/>

<https://www.vniteach.com/sach-dien-tu-canh-dieu/>

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng GD của nhà trường; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

1.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của nhà trường

Căn cứ bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục và quy trình, chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên ban hành kèm theo Thông tư số 18/2018, Hội đồng tự đánh giá Trường

TH&THCS Văn Phong đã thực hiện đánh giá đủ 5 tiêu chuẩn, 28 tiêu chí. Kết quả như sau:

* Đánh giá theo từng tiêu chí từ Mức 1 đến Mức 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		x		
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	x
Tiêu chí 2.4		x	x	x
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	
Tiêu chí 3.6		x	x	
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		x	x	x
Tiêu chí 4.2		x	x	

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	
Tiêu chí 5.3		x		
Tiêu chí 5.4		x		
Tiêu chí 5.5		x		
Tiêu chí 5.6		x		

* Đánh giá theo Mức 4

Tiêu chí (Khoản, Điều)	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Khoản 1, Điều 22		x	
Khoản 2, Điều 22		x	
Khoản 3, Điều 22		x	
Khoản 4, Điều 22		x	
Khoản 5, Điều 22		x	
Khoản 6, Điều 22		x	

Kết quả:

- Số lượng tiêu chí đạt mức 1: 28/28 tiêu chí = 100%
- Số lượng tiêu chí đạt mức 2: 28/28 tiêu chí = 100%
- Số lượng tiêu chí đạt mức 3: 07/20 tiêu chí = 35%
- Số lượng tiêu chí đạt mức 4: 0

1.2. Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng vào đầu năm học sau, tự đánh giá, trong đó chỉ rõ các giải pháp cụ thể, thời gian tiến hành và dự kiến hoàn thiện, kinh phí thực hiện, phân công người thực hiện.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng, đạt chuẩn Quốc gia qua các mốc thời gian

Trường TH&THCS Văn Phong đã được công nhận nhà trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục **Cấp độ 3 năm học 2015-2016**.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học

1.1. Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục, trong đó thể hiện rõ đối tượng, chỉ tiêu, phương thức tuyển sinh, các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh và các thông tin liên quan

a. Chỉ tiêu tuyển sinh: Lớp 1

- Tổng số người học đăng ký dự tuyển: 28
- Tổng số người học được tuyển: 28
- Học sinh đúng tuyển tuyển sinh (có hộ khẩu tại xã Văn Phong): 27.
- Học sinh trái tuyển (Học sinh ngoài xã Văn Phong): 01 học sinh.

b. Chỉ tiêu tuyển sinh: Lớp 6

- Tổng số người học đăng ký dự tuyển: 27
- Tổng số người học được tuyển: 27
- Học sinh đúng tuyển tuyển sinh (có hộ khẩu tại xã Văn Phong): 24.
- Học sinh trái tuyển (Học sinh ngoài xã Văn Phong): 03.

1.2. Hồ sơ tuyển sinh

- Đơn xin học (theo mẫu);
- Bản sao giấy khai sinh hợp lệ;
- Học bạ Tiểu Học (bản chính) đối với lớp 6; Giấy chứng nhận hoàn thành CTMG 5 tuổi đối với lớp 1.
- Bản sao giấy xác nhận đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên, học sinh khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp (công chứng).

1.3. Phương thức và đối tượng tuyển sinh

- Phương thức tuyển sinh: xét tuyển
- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã hoàn thành chương trình Tiểu học đối với lớp 6; hoàn thành CTMG 5 tuổi đối với lớp 1.
- Hình thức tuyển sinh: Đối với lớp 1 tuyển sinh trực tiếp; Đối với lớp 6 tuyển sinh trực tuyến trên phần mềm tuyển sinh.

2. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh

- Phối hợp trong xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục hàng năm (giáo dục chính trị, pháp luật, đạo đức, thể chất, nếp sống văn hoá, sức khoẻ sinh sản vị thành niên, phòng chống tội phạm, tai nạn thương tích, ATGT, vệ sinh thực phẩm, vệ sinh môi trường cho học sinh).
- Phối hợp trong quản lý học sinh, tạo điều kiện để học sinh được học tập và rèn luyện; giám sát việc học tập, rèn luyện của học sinh; động viên khen thưởng học sinh có thành tích; giáo dục học sinh cá biệt.

- Phối hợp trong xây dựng cơ sở vật chất, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, cung cấp các trang thiết bị phục vụ cho dạy và học của nhà trường.

- Phối hợp trong công tác đảm bảo an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trong và ngoài nhà trường.

TT	Nội dung	Thời gian	Phụ trách
1.	Chào cờ hàng tháng	Tuần 1 đầu tháng	Hiệu trưởng - GV Tổng phụ trách Đội - GVCN lớp
2.	Tuyên truyền về ATGT	Tháng 9	GV Tổng phụ trách Đội
3.	Truyền thông phòng chống HIV/AIDS và các tệ nạn xã hội	Tháng 10	Bí thư chi đoàn, TPT Đội
4.	Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam	Tháng 11	BCH Công đoàn
5.	Chuyên đề Đội	Tháng 11	GV Tổng phụ trách Đội
6.	Giao lưu thể thao	Tháng 11.12	GV Tổng phụ trách Đội
7.	Chuyên đề Đội “Tự hào truyền thống - Khát vọng vươn xa”	Tháng 02	GV Tổng phụ trách Đội
8.	Kỷ niệm ngày Quốc tế phụ nữ 08/3	Tháng 3	BCH Công đoàn
9.	Chuyên đề Đội “Thiếu nhi vui khỏe - Tiến bước lên đoàn”	Tháng 3	GV Tổng phụ trách Đội
10.	Chuyên đề ma túy học học đường, phòng cháy, An toàn giao thông	Tháng 12	GV Tổng phụ trách Đội
11.	Trải nghiệm, hướng nghiệp	Tháng 3,4	GV Tổng phụ trách Đội

3. Kết quả đánh giá học sinh

3.1. Đối với học sinh Tiểu học: Tổng số 172, đánh giá: 170, không đánh giá: 02

(KH: Kế hoạch, TH: Thực hiện, TL: Tỷ lệ so sánh kế hoạch với thực hiện)

Tổng số	Kết quả giáo dục
---------	------------------

			Hoàn thành xuất sắc			Hoàn thành tốt			Hoàn thành			Chưa hoàn thành		
KH	TH	TL (%)	KH	TH	TL (%)	KH	TH	TL (%)	KH	TH	TL (%)	KH	TH	TL (%)
170	170	100	40	45	26.4	37	21	12,4	93	104	61,2	0	0	0

3.2. Đối với học sinh THCS: Tổng số 120, đánh giá: 118, không đánh giá:

02

* Kết quả rèn luyện

Khối	Tổng số HS	Trong đó: Nữ	RÈN LUYỆN											
			TỐT		KHÁ		ĐẠT		C.ĐẠT		Trên TB		KXL	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	S L	Tỉ lệ
TỔNG TOÀN TRƯỜNG	120	58	73	60.83	44	36.67	1	0.83			118	98.33	2	1.67
TỔNG KHỐI 6	29	16	15	51.72	13	44.83					28	96.55	1	3.45
6	29	16	15	51.72	13	44.83					28	96.55	1	3.45
TỔNG KHỐI 7	39	17	21	53.85	17	43.59					38	97.44	1	2.56
7	39	17	21	53.85	17	43.59					38	97.44	1	2.56
TỔNG KHỐI 8	32	15	20	62.50	11	34.38	1	3.13			32	100.00		
8	32	15	20	62.50	11	34.38	1	3.13			32	100.00		
TỔNG KHỐI 9	20	10	17	85.00	3	15.00					20	100.00		
9	20	10	17	85.00	3	15.00					20	100.00		
Cam kết đầu năm			69	22,6	43	34,7	12	9,7						
So sánh (+/-)			+4		+1		-11							
Đánh giá (Đạt/Không đạt)			Đạt		Đạt		Đạt							

* Kết quả học tập

Khối	Tổng số HS	Trong đó: Nữ	HỌC TẬP/HỌC LỰC											
			TỐT		KHÁ		ĐẠT		C.ĐẠT		Trên TB		KXL	
			SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ	SL	Tỉ lệ
TỔNG TOÀN TRƯỜNG	120	58	12	10.00	37	30.83	55	45.83	14	11.67	104	86.67	2	1.67
TỔNG KHỐI 6	29	16	1	3.45	8	27.59	15	51.72	4	13.79	24	82.76	1	3.45

6	29	16	1	3.45	8	27.59	15	51.72	4	13.79	24	82.76	1	3.45
TỔNG KHỐI 7	39	17	5	12.82	8	20.51	21	53.85	4	10.26	34	87.18	1	2.56
7	39	17	5	12.82	8	20.51	21	53.85	4	10.26	34	87.18	1	2.56
TỔNG KHỐI 8	32	15	4	12.50	10	31.25	12	37.50	6	18.75	26	81.25		
8	32	15	4	12.50	10	31.25	12	37.50	6	18.75	26	81.25		
TỔNG KHỐI 9	20	10	2	10.00	11	55.00	7	35.00			20	100.00		
9	20	10	2	10.00	11	55.00	7	35.00			20	100.00		
Cam kết đầu năm			14	11,3	51	41,1	59	47,6	0					
So sánh (+/-)			-2		-14		-1		+14					
Đánh giá (Đạt/Không đạt)			KĐ		KĐ		KĐ		KĐ					

- Số HS được lên lớp: $274/288 = 95,14\%$ (giảm 2,86% so với kế hoạch).

- Số HS phải rèn luyện hè: $14/288 = 4,86\%$.

3. Chất lượng sau tốt nghiệp THCS

- Số học sinh được công nhận hoàn thành chương trình THCS: 20

- Số học sinh được cấp bằng tốt nghiệp: 20

- Số học sinh tham gia học nghề: 0

- Số học sinh ở nhà lao động tự do: 0

4. Thực hiện chương trình GD của nước ngoài: Không.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH (Báo cáo các nội dung trong Điều 5 của Thông tư số 09)

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác)

STT	Nguồn quỹ	Nội dung chi		Số tiền (đã chi đến 30/9/2024)	Tỉ lệ chi %
1	Nguồn ngân sách năm 2025	Chi lương, các khoản đóng theo lương, chi khác	5.247.000.000 đồng	2.198.759.546 đồng	42,0
2	Nguồn học phí năm 2025	Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục	31.744.000 đồng	0	0

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê

mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác

Căn cứ Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn Liên sở số 86/HDLS-GDĐT-TC ngày 25/01/2024 của Liên sở: Giáo dục và Đào tạo và tài chính về thực hiện thu, cơ chế quản lý thu theo Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024 của Hội đồng nhân dân thành phố về quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm học 2024 - 2025; Hướng dẫn số 1044/HDLS-GDĐT-TC ngày 19/8/2024 của Liên sở: Giáo dục và Đào tạo và tài chính về việc thực hiện thu và sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 5517/UBND ngày 08/8/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về thực hiện Nghị quyết HĐND quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm học 2024-2025; Công văn số 2533/SGDĐT-KHTC ngày 22/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025;

Căn cứ Công văn số 2984/UBND-PGD&ĐT ngày 13/9/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải - Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2024-2025,

Căn cứ các văn bản chỉ đạo của các cấp, Nhà trường đã xây dựng Kế hoạch số 55/KH-TH&THCSVP ngày 23/9/2024 về thực hiện các khoản thu trong năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Mức thu	Thời gian thu	Ghi chú
I	Các khoản thu theo quy định			
1	Học phí	62.000/tháng		Theo Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 19/7/2024
II	Các khoản thu dịch vụ			
1	Hỗ trợ học 2 buổi/ngày (đối với Tiểu học)	30.000đ/tháng	Thu vào tháng học tiếp theo	Nghị quyết 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023
2	Tiền nước uống	72.000đ/tháng	Thu trong tháng	

STT	Nội dung	Mức thu	Thời gian thu	Ghi chú
			11/2024	
III	Các khoản thu hộ mua hộ			
1	Tiền số liên lạc điện tử Enetviet	135.000/năm	Thu 1 đợt tháng 3/2025	Theo công văn số 1136/SGD&ĐT-VP ngày 26/5/2021)
3	Quỹ vòng tay bạn bè	35.000đ/năm	Thu 2 đợt (đợt 1 tháng 12/2024, đợt 2 tháng 02/2025)	Thực hiện theo Kế hoạch số 313-KH/LN ngày 03/9/2020 của Thành đoàn - Sở GDĐT HP
3	Bảo hiểm y tế	918.540đ/năm	Thu 1 đợt tháng 12/2024	Thực hiện theo Công văn số 189/CV-BHXXH ngày 08/8/2024 của Bảo hiểm xã hội huyện Cát Hải

- Riêng kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh: Thực hiện theo Theo Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT; trích từ kinh phí hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh các lớp theo khuyến nghị của cuộc họp toàn thể các trường ban đại diện cha mẹ học sinh lớp đầu năm học.

- Năm học 2024-2025: Nhà trường không triển khai công tác xã hội hóa giáo dục.

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

Căn cứ Quyết định số 3971/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải về việc phê duyệt đối tượng chính sách theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, Nghị định số 97/2023/NĐ-CP, Nghị định số 54/2019/NQ-HĐND học kỳ I năm học 2024-2025

Dự toán cấp hỗ trợ học phí: 31.744.000 đồng.

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có) (tính đến 30/5/2025)

STT	Diễn giải	Số dư đầu năm	Số thu trong năm	Tổng sử dụng trong năm	Số chi trong năm	Số dư cuối năm	Ghi chú
Tổng cộng							
1	Học phí THCS	1.555.639	109.492.000	111.047.639	73.581.879	37.465.760	
2	Thu hỗ trợ 2 buổi/ ngày	0	42.300.000	42.300.000	42.300.000	0	
3	Thu tin nhắn điện tử	0	31.455.000	31.455.000	31.455.000	0	
4	Thu quỹ đội	0	9.695.000	9.695.000	9.695.000	0	
5	Thu nước uống	134.752	19.736.000	19.870.752	19.650.000	353.161	

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở

Năm 2025, Nhà trường đã thực hiện tốt các nội dung theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, dân chủ cơ sở, cụ thể: công khai dự toán ngân sách năm 2025; công khai Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý tài sản công năm 2024; công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách các quý I, II, III; công khai kết quả thực hiện các khoản thu của năm học 2024-2025; công khai kinh phí thu nhập tăng thêm từ tháng 07/2024 đến tháng 12/2024; công khai danh sách đối tượng (học sinh) được hưởng chính sách hỗ trợ học phí từ Nghị quyết 54/2019/NQ-HĐND.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Xây dựng kế hoạch, tổ chức chỉ đạo và thực hiện theo đúng kế hoạch.

Thực hiện tốt các phong trào thi đua, các cuộc vận động do ngành và địa phương phát động.

Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn chuyên đề do ngành và cụm chuyên môn tổ chức. Tích cực học tập để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá.

- Chất lượng học sinh giỏi các cấp:

	Cấp Huyện	Cấp thành phố
Học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9	05 HS (02 giải Ba, 03 giải Khuyến khích)	0
Học sinh thi khoa học kỹ thuật	02 HS (01 giải Tư)	0
Hội thi sơn ca	01 HS (giải Ba)	01 HS (giải Nhì)
Kể chuyện Bác Hồ	01 HS (giải Ba)	0

- Lớp tiên tiến 10/10 lớp.

- Giáo viên dạy giỏi cấp huyện: 02.

- Giữ vững phổ cập giáo dục Tiểu học và THCS đạt mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2.

- Thư viện đạt thư viện tiên tiến.

- Cơ sở vật chất được đầu tư xây dựng đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thực hiện CTGDPT 2018 theo lộ trình.

- Kết quả xếp loại thi đua năm học 2024-2025:

STT	Nội dung đánh giá thi đua	Kết quả đánh giá	Ghi chú
1.	Tổ chức cơ sở Đảng	Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2024	

STT	Nội dung đánh giá thi đua	Kết quả đánh giá	Ghi chú
2.	Tổ chức Công đoàn cơ sở	Công đoàn hoàn thành tốt vụ năm 2024-2025	
3.	Tổ chức Đoàn Thanh niên	Chi đoàn vững mạnh xuất sắc năm 2024	
4.	Công tác Đội TNTP	Liên đội mạnh xuất sắc cấp thành phố	
5.	Cơ quan văn hóa	Cơ quan đạt cơ quan văn hóa năm 2024	
6.	Tập thể nhà trường	Tập thể Lao động tiên tiến	

Trên đây là báo cáo công khai thường niên năm học 2024-2025 của trường TH&THCS Văn Phong ./.

Nơi nhận:

- UBND xã;
- Phòng GD&ĐT;
- CB, GV, NV nhà trường;
- Ban đại diện CMHS;
- Công khai trên Website của đơn vị;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Quy